

**BÁO CÁO**

**Sơ kết 03 năm (2016-2018) thực hiện Chương trình MTQG  
xây dựng nông thôn mới; phương hướng, nhiệm vụ  
và giải pháp thực hiện giai đoạn 2018-2020**

**Phần thứ nhất**

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2016-2018**

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**1. Công tác kiện toàn bộ máy chỉ đạo, điều hành và hệ thống cơ quan tham mưu, giúp việc tổ chức quản lý và triển khai Chương trình ở các cấp**

- UBND tỉnh Quảng Trị đã có Quyết định số 3310/QĐ-UBND ngày 07/12/2016 về việc thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020 (thay cho BCD chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững); ban hành Quyết định số 979/QĐ-BCĐ ngày 11/5/2017 về quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo các chương trình MTQG tỉnh Quảng Trị;

- Chỉ đạo kiện toàn bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo nông thôn mới các cấp theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 và Quyết định số 2521/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh.

+ Đối với Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh: Đã kiện toàn nhân sự Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh (Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 29/8/2016 của UBND tỉnh), Ban hành quy chế hoạt động của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 3316/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND tỉnh);

+ Đối với các huyện: 07/8 đơn vị cấp huyện đã thành lập Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện (riêng thị xã Quảng Trị thành lập tổ giúp việc BCD xây dựng nông thôn mới) theo hướng chuyên trách, chuyên nghiệp, đồng bộ và thống nhất từ tỉnh đến cơ sở;

+ Đối với cấp xã: Mỗi xã đã bố trí 01 công chức phụ trách lĩnh vực nông thôn mới, tổng số cán bộ chuyên trách là 117 công chức.

Tổng số cán bộ nông thôn mới thuộc bộ máy giúp việc cho Ban chỉ đạo các cấp gồm 75 người, trong đó có 14 cán bộ chuyên trách và 66 cán bộ kiêm nhiệm.

## **2. Ban hành các cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình**

Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2018, hệ thống khung pháp lý và các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình đã cơ bản hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi để các Sở, ban, ngành, địa phương chủ động triển khai thực hiện đồng bộ, ngoài các văn bản của Trung ương, tỉnh Quảng Trị đã ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện chương trình gồm: Tỉnh ủy đã ban hành 01 Chỉ thị; HĐND tỉnh đã ban hành 06 Nghị quyết; UBND tỉnh ban hành 01 Chỉ thị, 19 Quyết định và các văn bản chỉ đạo, điều hành khác.

*(Chi tiết có biểu số 01 kèm theo)*

## **3. Cơ chế điều phối, phối hợp và phân cấp trong quản lý, điều hành thực hiện Chương trình**

Thực hiện Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình MTQG; Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Quảng Trị đã ban hành Quyết định số 979/QĐ-BCĐ ngày 11/5/2017 về quy chế hoạt động của BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020.

Để đảm bảo thực hiện các tiêu chí huyện, xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020, UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 phân công nhiệm vụ phụ trách thực hiện tiêu chí huyện, xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020; theo đó, phân công các Sở, ngành cấp tỉnh xây dựng kế hoạch đối với tiêu chí thuộc ngành, lĩnh vực mà đơn vị phụ trách, phối hợp với các địa phương triển khai thực hiện hiệu quả chương trình.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2016-2018 (tính đến 30/6/2018)**

### **1. Mức độ hoàn thành một số mục tiêu cơ bản của Chương trình**

Tổng số tiêu chí đạt bình quân là 14,25 tiêu chí/xã, hiện nay toàn tỉnh không còn xã dưới 5 tiêu chí, trong đó:

- + Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 42/117 xã (chiếm 35,9% số xã);
- + Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí là: 19 xã (chiếm 16,2% số xã);
- + Số xã đạt từ 10-14 tiêu chí: 29 xã (chiếm 24,8% số xã);
- + Số xã đạt từ 5-9 tiêu chí: 27 xã, (chiếm 23,1%).

*(Chi tiết có biểu số 02 kèm theo)*

## **2. Kết quả thực hiện các nội dung của Chương trình**

### *a. Công tác Quy hoạch nông thôn mới*

Trên cơ sở quy hoạch và đề án nông thôn mới đã được phê duyệt, 100% UBND các xã đã tiến hành công khai, công bố và thực hiện quy hoạch. UBND tỉnh đã chỉ đạo các địa phương tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phù hợp với yêu cầu thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn. Chỉ đạo các địa phương xây dựng quy chế quản lý quy hoạch, thực hiện cấm mốc chi giới các công trình cơ sở hạ tầng nông thôn theo quy hoạch nhằm xác định hành lang bao vệ các công trình, góp phần thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch.

### *b. Phát triển sản xuất và nâng cao thu nhập cho người dân*

Thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tỉnh Quảng Trị đã tập trung chỉ đạo xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả theo hướng nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch và bền vững. Chủ động kết nối với các công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác triển khai các mô hình liên kết, tăng cường ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, sản xuất theo quy mô lớn, theo chuỗi giá trị, đặc biệt có sự phối hợp liên kết 4 nhà trong hỗ trợ đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho nông dân, một số mô hình đã và đang triển khai có hiệu quả như: mô hình trồng dưa, lúa canh tác hữu cơ, mô hình trồng chanh leo, rau thủy canh, mô hình trồng hoa, rau trong nhà lưới, nhà màng; mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng, mô hình nuôi lợn theo hướng VietGap v.v...

Đẩy mạnh thực hiện các giai pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất trên địa bàn nông thôn, hỗ trợ thành lập HTX kiểu mới nhằm liên kết tiêu thụ sản phẩm cho người nông dân, hiện nay có 60/275 HTX đủ điều kiện đề xây dựng HTX kiểu mới; có 50 trang trại đạt chuẩn (trong đó có 32 trang trại được cấp giấy chứng nhận; có 2.688 tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả, có 53 làng có nghề với 66 nghề, tập trung vào các nhóm chế biến nông lâm thủy sản đã góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và tiêu thụ nông sản cho người dân nông thôn.

Về giảm nghèo bền vững cho khu vực nông thôn, công tác xóa đói giảm nghèo được chú trọng gắn liền với xây dựng nông thôn mới, các hộ nghèo đã được tiếp cận tốt hơn các chính sách và nguồn lực hỗ trợ của nhà nước, đặc biệt là các địa bàn vùng sâu, vùng xa, tỷ lệ hộ nghèo giảm dần qua các năm, trong 2 năm 2016-2017 tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn đã giảm bình quân 2,32%/năm.

Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tạo việc làm cho dân cư nông thôn tiếp tục được quan tâm, bám sát với nhu cầu thực tế nhằm tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, tính đến nay tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề ở khu vực nông thôn đạt trên 40%, các cấp, ngành đã tạo điều kiện về vốn, môi trường, kinh nghiệm, thông tin thị trường lao động qua các kênh, khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển để tạo thêm nhiều việc làm mới, thu hút lao động.

Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” tiếp tục được chỉ đạo triển khai thực hiện. Hiện nay, đang xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 – 2020 (theo Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 12/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ); tổ chức cho các đơn vị tham gia các Hội chợ thương mại trong và ngoài tỉnh.

Chính sách cấp bù lãi suất, phát triển sản xuất kinh doanh theo Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Trị tiếp tục được triển khai thực hiện, góp phần tạo điều kiện thuận lợi để người dân sớm tiếp cận được các nguồn vốn vay, nhằm giúp người dân mạnh dạn vay vốn thực hiện các dự án phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập.

Số xã đạt chuẩn về tiêu chí thu nhập 83/117 xã, tăng 01 xã so với năm 2016; số xã đạt chuẩn về tiêu chí hộ nghèo là 66/117 xã, tăng 24 xã so với năm 2016; số xã đạt tiêu chí lao động có việc làm thường xuyên là 110/117 xã, tăng 06 xã so với năm 2016; số xã đạt chuẩn về tiêu chí tổ chức sản xuất là 72/117 xã, giảm 13 xã so với năm 2016.

### *c. Kết quả đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn*

Hạ tầng kinh tế xã hội nông thôn tiếp tục được cải thiện, phục vụ nhu cầu về đời sống, sinh hoạt và sản xuất cho người dân nông thôn, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn theo hướng khang trang, hiện đại. Công tác phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án được triển khai sớm, tạo điều kiện cho các địa phương triển khai thực hiện công trình ngay từ đầu năm. Các địa phương đã tập trung đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng như giao thông, trường học, cơ sở vật chất văn hóa...

Công tác áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù trong xây dựng nông thôn mới được chú trọng triển khai thực hiện, đặc biệt là các công trình xây dựng cơ bản đã được áp dụng thiết kế mẫu, dự toán mẫu và giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện như: đường giao thông, thủy lợi, nhà văn hóa xã, thôn, ban, trạm trung chuyển rác, công trình chiếu sáng tập trung, nhà vệ sinh vv... Vì vậy, đã huy động được nguồn lực nội tại trong nhân dân, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả trong công tác thi công và giám sát công trình.

Đến nay, số xã đạt tiêu chí về giao thông là 57/117 xã, tăng 14 xã so với năm 2016; số xã đạt tiêu chí thủy lợi là 101/117 xã, tăng 27 xã so với năm 2016; số xã đạt tiêu chí điện là 116/117 xã, tăng 02 xã so với năm 2016; số xã đạt tiêu chí hạ tầng thương mại là 88/117 xã, giảm 10 xã so với năm 2016; số xã đạt tiêu chí về trường học là 60/117 xã, tăng 07 xã so với năm 2016; số xã đạt tiêu chí thông tin và truyền thông là 88/117 xã, giảm 02 xã so với năm 2016; số xã đạt chuẩn tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa là 64/117 xã, tăng 13 xã so với năm 2016; số xã đạt tiêu chí về nhà ở là 78/117 xã, tăng 08 xã so với năm 2016.

*d. Về giáo dục, y tế, văn hóa, môi trường*

- Giáo dục: Sự nghiệp giáo dục - đào tạo tiếp tục được quan tâm và phát triển toàn diện, trang thiết bị trường học được đầu tư nâng cấp, chất lượng dạy và học từng bước được nâng cao... Tổng số trường học được công nhận đạt chuẩn quốc gia đến 31/5/2018 là 175 trường (trong đó 56 trường mầm non, 72 trường tiểu học, 46 trường THCS và 01 trường THPT). Số xã có tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) đạt từ 85% trở lên là 85 xã, đạt tỷ lệ 72,6%. Số xã đạt tiêu chí về giáo dục là 90/117 xã, tăng 16 xã so với năm 2016;

- Y tế: Công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày được nâng cao về chất lượng. Cơ sở vật chất trang thiết bị về y tế tiếp tục được quan tâm đầu tư. Tất cả các trạm đều có dụng cụ y tế, trang thiết bị y tế cơ bản để thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; mạng lưới y tế thôn, bản đã góp phần tích cực trong công tác phòng chống dịch bệnh, 85% trạm y tế có bác sĩ, 100% thôn, bản có nhân viên y tế hoạt động. Đến nay có 112/117 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã, đạt tỷ lệ 95,75%; Số xã đạt tiêu chí về y tế là 107/117 xã, tăng 01 xã so với năm 2016;

- Văn hóa: Tiếp tục nâng cao chất lượng Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" gắn với cuộc vận động "Toàn dân xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" và các phong trào thi đua yêu nước khác, nhằm động viên khơi dậy trong các tầng lớp nhân dân tinh thần đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế. Đến nay, có 117 xã đã tổ chức phát động xây dựng xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, trong đó có 50/117 xã đã được công nhận đạt chuẩn. Có 148.908/164.458 gia đình được công nhận gia đình văn hóa, 1.039/1.073 làng, ban, khu phố đạt danh hiệu văn hóa. Có 75/104 trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã đạt chuẩn theo quy định; 598/996 nhà văn hóa, khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định. Số xã đạt tiêu chí về văn hóa là 113/117 xã, tăng 02 xã so với năm 2016;

- Môi trường: Phong trào chỉnh trang nông thôn, vệ sinh nông thôn, đường làng ngõ xóm được các tổ chức đoàn thể, địa phương duy trì đều đặn, thường xuyên, hình thành các tổ, đội thu gom rác, nhiều địa phương đã được đầu tư các bãi trung chuyển rác thải tập trung. Công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường, nhân rộng các mô hình bảo vệ môi trường khu vực nông thôn và phát động các phong trào quần chúng bảo vệ môi trường được chú trọng triển khai thực hiện. Tăng cường hoạt động thanh tra kiểm tra chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, tập trung xử lý dứt điểm các điểm ô nhiễm môi trường do các bãi chôn lấp chất thải rắn và do tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật. Tỷ lệ số xã đạt chỉ tiêu về tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường là 70,1%; tỷ lệ số xã có cảnh quan, môi trường được đánh giá xanh, sạch, đẹp, an toàn đạt 83,8%; tỷ lệ số xã có chất thải rắn

trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định là 68,4%. Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 91,28%, tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước sạch theo quy chuẩn quốc gia đạt 44,3%, tỷ lệ hộ gia đình có chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh 61,32%. Số xã đạt tiêu chí về môi trường và an toàn thực phẩm là 60/117 xã tăng 06 xã so với năm 2016.

*e. Về hệ thống chính trị xã hội và an ninh, quốc phòng*

Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn cán bộ, công chức cấp xã nhằm từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định. Toàn tỉnh có 69/117 xã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có 35/117 xã hoàn thành tốt nhiệm vụ, có 13/117 xã hoàn thành nhiệm vụ. Số xã đạt tiêu chí về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật là 89/117 xã, không tăng so với năm 2016.

Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh cơ bản được ổn định. Thực hiện tốt công tác xây dựng và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong đấu tranh chống tội phạm theo hướng tự phòng, tự quản, tự hòa giải tại cơ sở; các mô hình đang hoạt động có hiệu quả góp phần đảm bảo an ninh nông thôn như "Mô hình hộ tộc không có người vi phạm pháp luật, mô hình "Phật giáo huyện Cam Lộ tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc và xây dựng nông thôn mới", mô hình "Giáo xứ Phước Tuyên chung tay bảo vệ an ninh tổ quốc và xây dựng nông thôn mới", mô hình "Cụm liên hoàn an toàn về an ninh trật tự địa bàn giáp ranh".

Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng hàng năm. Thực hiện tốt phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia. Số xã đạt tiêu chí về quốc phòng và an ninh là 106/117 xã, tăng 14 xã so với năm 2016.

### **3. Tình hình triển khai thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới**

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới; trên cơ sở rà soát hiện trạng của các huyện, UBND tỉnh Quang Trị đã lựa chọn, tập trung chỉ đạo huyện Cam Lộ thực hiện hoàn thành kế hoạch xây dựng huyện đạt chuẩn vào năm 2020; hiện trạng nông thôn mới của huyện như sau:

- Về tiêu chí xã nông thôn mới: huyện Cam Lộ có 7/8 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới (còn xã Cam Tuyên hiện đang hoàn thiện các tiêu chí đề phân đầu đạt chuẩn vào cuối năm 2018);

- Về tiêu chí cấp huyện: đạt 3/9 tiêu chí (gồm: điện, an ninh trật tự và chỉ đạo xây dựng nông thôn mới); còn 6/9 tiêu chí chưa đạt (gồm: quy hoạch, sản xuất, giao thông, thủy lợi, y tế - văn hóa - giáo dục và môi trường).

- Khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện:
- + Đa số các tiêu chí đạt được đang ở mức tối thiểu nên chất lượng và tính bền vững chưa cao;
- + Đời sống nhân dân của một số vùng còn khó khăn, trong khi đó huy động nguồn đóng góp tương đối lớn, đặc biệt là huy động đóng góp bằng tiền mặt, làm cho tiến độ hoàn thành tiêu chí ở cơ sở có phần chững lại so với kế hoạch đề ra;
- + Nguồn hỗ trợ của ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hàng năm còn ít so với nhu cầu dẫn đến nhiều công trình đã được giải phóng mặt bằng nhưng chưa có vốn để đầu tư.

#### **4. Kết quả huy động nguồn lực thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2018**

##### **a. Tổng nguồn vốn huy động**

Tổng nguồn lực huy động cho xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2018 là 20.905.110 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình là 719.950 triệu đồng; Ngân sách Trung ương là 362.380 triệu đồng (trong đó: vốn TPCP là 59.000 triệu đồng, vốn đầu tư phát triển là 217.580 triệu đồng, vốn sự nghiệp 85.800 triệu đồng), ngân sách địa phương là 357.570 triệu đồng (trong đó: ngân sách tỉnh là 60.000 triệu đồng, ngân sách cấp huyện là 222.039 triệu đồng, ngân sách cấp xã là 75.531 triệu đồng);

- Vốn lồng ghép các chương trình, dự án là: 1.213.492 triệu đồng;
- Huy động doanh nghiệp, HTX là: 317.915 triệu đồng;
- Vốn tín dụng: 17.959.465 triệu đồng;
- Huy động đóng góp của nhân dân: 516.779 triệu đồng;
- Huy động khác: 177.509 triệu đồng (nguồn đóng góp của con em xa quê hương, các tổ chức,...tài trợ, ủng hộ cho địa phương).

*(Chi tiết có biểu số 03 kèm theo)*

##### **b. Kết quả phân bổ nguồn vốn ngân sách Nhà nước**

Giai đoạn 2016-2018, nguồn vốn ngân sách Trung ương, địa phương được phân bổ cho việc đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội với 1.150.929 triệu đồng; ngoài ra còn chú trọng công tác phát triển sản xuất theo chuỗi liên kết, đào tạo nghề cho lao động nông thôn; nhờ vậy đã góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện chương trình.

*(Chi tiết có biểu số 04 kèm theo)*

### **c. Kết quả xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản**

Với mục tiêu phấn đấu đạt các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo kế hoạch đề ra, một số nơi vẫn còn xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản. Tuy nhiên, số nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là không lớn, tập trung vào các công trình phục vụ dân sinh, phát triển văn hóa, giáo dục, gồm các công trình: đường giao thông nông thôn, cầu cống, kênh mương, trường học, nhà văn và khu thể thao xã, thôn,...

Về tình hình xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản: UBND tỉnh Quảng Trị đã chỉ đạo các địa phương phải bố trí vốn để xử lý nợ đọng, địa phương còn nợ đọng không được bố trí vốn đối với công trình khởi công mới. Theo báo cáo của các địa phương, đến thời điểm tháng 5/2018, nợ đọng xây dựng cơ bản là 7.019 triệu đồng; trong đó: nguồn ngân sách Trung ương là 466 triệu đồng, nguồn ngân sách địa phương là 6.337 triệu đồng, nguồn khác là 176 triệu đồng. Các huyện còn nợ đọng xây dựng cơ bản gồm: Hải Lăng, Vĩnh Linh, Triệu Phong, Hướng Hóa và thị xã Quảng Trị.

## **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Mặt được**

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tiếp tục được các cấp ủy Đảng, chính quyền và tổ chức chính trị - xã hội các cấp xác định là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên để chỉ đạo triển khai thực hiện. Xây dựng nông thôn mới đã huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội;

- Hệ thống chủ trương, cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới tiếp tục được ban hành đồng bộ và kịp thời, có tác dụng thiết thực thúc đẩy tiến độ triển khai thực hiện chương trình. Ban chỉ đạo, Ban quản lý nông thôn mới các cấp tiếp tục được kiện toàn, nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành và thực thi chương trình;

- Phong trào Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới được Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng và trở thành phong trào thi đua thường xuyên, sâu rộng, lan toa trên khắp các vùng nông thôn. Đặc biệt vai trò chủ thể của người dân ngày càng được phát huy, thể hiện ở sự đồng thuận, tích cực, hưởng ứng tham gia và đóng góp công sức, tiền của, trí tuệ để xây dựng nông thôn mới;

- Tiêu chí nông thôn mới của các xã trên địa bàn tỉnh có sự chuyển biến đáng kể, tiệm cận với mức tiêu chí bình quân chung của cả nước, các xã miền núi hiện không còn xã dưới 05 tiêu chí;



- Sản xuất nông nghiệp đạt được nhiều kết quả nổi bật. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn ngày càng được đầu tư cơ bản đồng bộ, hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ phát triển sản xuất và đời sống ở vùng nông thôn;

- Kinh tế nông thôn từng bước chuyên dịch theo hướng đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ, các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh ở nông thôn tiếp tục phát triển cả về quy mô lẫn chất lượng hoạt động, kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội các vùng nông thôn được quan tâm đầu tư đồng bộ, hệ thống chính trị ở nông thôn được củng cố, tăng cường, dân chủ cơ sở được phát huy, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nông thôn được đảm bảo;

- Xây dựng nông thôn mới đang từng bước góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn, chất lượng các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa tiếp tục được nâng cao, hệ thống chính trị cơ sở tiếp tục được củng cố; thu nhập và điều kiện sống của nhân dân tiếp tục được nâng lên;

- Nhiều địa phương đã quyết tâm, nỗ lực cao trong việc phân đấu đạt chuẩn xã nông thôn mới và huyện nông thôn mới, tạo động lực rất lớn để triển khai chương giai đoạn 2018-2020.

## **2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân chủ yếu**

- Phong trào xây dựng nông thôn mới trong thời gian gần đây có dấu hiệu chững lại, nhiều địa phương không tăng thêm tiêu chí, chưa phát huy tối đa việc huy động nguồn lực trong nhân dân để xây dựng nông thôn mới. Công tác chỉ đạo thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương chưa quyết liệt, thiếu chủ động, sáng tạo, đổi mới; còn trông chờ vào sự chỉ đạo của cấp trên mới thực hiện;

- Công tác duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí còn hạn chế, đặc biệt là các xã đã đạt chuẩn giai đoạn 2014-2016;

- Tổ chức sản xuất nông nghiệp mặc dù đã có những chuyển biến tích cực, nhưng nhìn chung vẫn còn nhỏ lẻ, hiệu quả chưa cao, chưa theo tiêu chuẩn, quy chuẩn; chưa hình thành nhiều mô hình sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, phụ thuộc nhiều vào giá cả thị trường, việc đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất theo hình thức HTX còn chậm, liên kết sản xuất, tìm kiếm đầu ra, thị trường tiêu thụ nông sản giữa doanh nghiệp và người dân còn hạn chế, dẫn đến thu nhập của người dân nông thôn còn thấp và thiếu ổn định; đời sống của một bộ phận người dân nông thôn còn nhiều khó khăn, đặc biệt là khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, bãi ngang ven biển;

- Việc thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn nhằm phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị mới chỉ thực hiện trên diện hẹp ở một số sản phẩm và còn nhiều hạn chế, chính sách sách thu hút chưa đủ mạnh, các hình thức xúc tiến đầu tư còn bị động;

- Công tác giải ngân nguồn vốn còn chậm; một số địa phương chưa xử lý dứt điểm tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản;

- Nguồn vốn huy động nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới phụ thuộc nhiều vào nguồn ngân sách nhà nước, việc phân bổ nguồn lực còn phân tán, cơ chế lồng ghép còn chưa rõ ràng và hạn chế. Nguồn vốn duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp các công trình sau đầu tư còn hạn chế, nhiều công trình bị xuống cấp và hư hỏng thiếu vốn đầu tư;

- Nguồn vốn ngân sách của tỉnh đầu tư cho chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới còn hạn chế, đặc biệt là hỗ trợ cho các xã phấn đấu đạt chuẩn hàng năm, huyện phấn đấu đạt chuẩn và 01 xã phấn đấu đạt chuẩn của huyện Đakrông;

- Ô nhiễm môi trường nông thôn do nước thải, rác thải vẫn còn khá phổ biến; chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm vẫn đang là vấn đề nổi lên được xã hội quan tâm; An ninh trật tự còn tiềm ẩn nhiều vấn đề bất ổn;

- Công tác tuyên truyền, vận động mặc dù được chú trọng thực hiện nhưng đến nay vẫn tồn tại một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa nhận thức rõ và đầy đủ về mục tiêu, ý nghĩa và nội dung của Chương trình; còn trông chờ, y lại vào sự đầu tư của nhà nước; ý thức tự giác, chủ động tham gia xây dựng nông thôn mới chưa cao; đặc biệt là bà con đồng bào dân tộc thiểu số, việc thay đổi tư duy, tập quán, phong tục cần có một quá trình lâu dài; ở một số địa phương các chủ trương, cơ chế, chính sách trong xây dựng nông thôn mới chưa được thông tin, cập nhật đầy đủ đến người dân;

- Kết quả xây dựng nông thôn mới không đồng đều giữa các địa phương, các xã ở khu vực miền núi có số tiêu chí đạt còn thấp (huyện Đakrông chưa có xã đạt chuẩn);

- Năng lực, trình độ một bộ phận cán bộ, nhất là ở cơ sở còn hạn chế nên việc triển khai thực hiện chương trình thiếu quyết liệt và hiệu quả.

### **3. Bài học kinh nghiệm**

- Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân có ý nghĩa hết sức quan trọng nhằm tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân và cụ thể hóa các nội dung xây dựng nông thôn mới một cách hiệu quả vào thực tiễn với phương châm vận động đi đôi với hành động;

- Phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới có ý nghĩa quyết định đến tiến độ và chất lượng xây dựng nông thôn. Đề tạo điều kiện cho người dân thực sự phát huy tính tự lực, hợp tác, sáng tạo và chủ động trong xây dựng nông thôn, cần nghiêm túc thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở: công khai, minh bạch trong đầu tư; thực sự quan tâm đến lợi ích thiết thực của dân trong việc quyết định lựa chọn nội dung thực hiện; giao quyền cho cộng đồng quản lý, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện chương trình nông thôn mới ở địa phương;

- Phát huy tốt cách làm chủ động, sáng tạo phù hợp với điều kiện và yêu cầu bức thiết của người dân ở từng địa phương; chọn đúng nội dung trọng tâm, giải pháp đột phá cho từng thời kỳ; chú trọng giải pháp huy động nguồn lực tại chỗ, lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án để tập trung hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ theo ưu tiên đề tạo niềm tin, sự phấn khởi của nhân dân vào chương trình;

- Vai trò chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cấp ủy và chính quyền các cấp đảm bảo sự vào cuộc thật sự và phát huy được sức mạnh của hệ thống chính trị tham gia xây dựng nông thôn mới. Việc tổ chức thực hiện phải có kế hoạch chi tiết, phân công, phân nhiệm rõ ràng; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; có giải pháp phù hợp, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương;

- Thực hiện tốt công tác thi đua - khen thưởng để kịp thời động viên đối với các địa phương, tổ chức, cá nhân có cách làm hay, sáng tạo và đóng góp thiết thực cho xây dựng nông thôn mới.

## **Phần thứ hai**

### **PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRONG GIAI ĐOẠN 2018-2020**

#### **I. MỤC TIÊU PHÂN ĐẦU**

Căn cứ Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020; theo đó, mục tiêu của tỉnh Quảng Trị phấn đấu đến năm 2020 cụ thể như sau: số xã đạt chuẩn nông thôn mới là 52 xã (tỷ lệ 44,4%), bình quân tiêu chí xây dựng nông thôn mới đạt được trên xã là 15 tiêu chí.

Trên cơ sở hiện trạng xây dựng nông thôn mới của các địa phương giai đoạn 2016-2018, kết quả chỉ đạo điều hành các cấp, sự vào cuộc của toàn hệ thống chính trị và sự tham gia của người dân; tỉnh Quảng Trị đề ra mục tiêu đến năm 2020: có từ 59-65 xã đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm tỷ lệ 50-55%), có ít nhất 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, không còn huyện chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới, không còn xã đồng bằng đạt dưới 16 tiêu chí, không còn xã miền núi đạt dưới 8 tiêu chí.

*(Chi tiết có biểu số 05 kèm theo)*

#### **II. DỰ KIẾN KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐẾN NĂM 2020**

Căn cứ Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020, khả năng cân đối của ngân sách địa phương và mục tiêu thực hiện đến năm 2020; dự kiến tổng mức vốn huy động cho giai đoạn 2019-2020 là 12.523.285 triệu đồng, bao gồm:

- Ngân sách hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình là 838.195 triệu đồng; Ngân sách Trung ương là 572.820 triệu đồng (trong đó: vốn TPCP là 11.000 triệu đồng, vốn đầu tư phát triển là 434.820 triệu đồng, vốn sự nghiệp 127.000 triệu đồng), ngân sách tỉnh là 100.000 triệu đồng, ngân sách cấp huyện là 105.408 triệu đồng, ngân sách cấp xã là 59.967 triệu đồng;

- Vốn lồng ghép các chương trình, dự án là: 664.500 triệu đồng;
- Huy động doanh nghiệp, HTX là: 396.900 triệu đồng;
- Vốn tín dụng: 9.873.990 triệu đồng;
- Huy động đóng góp của nhân dân: 529.200 triệu đồng;
- Huy động khác: 220.500 triệu đồng.

### **III. NHỮNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM ĐỂ ĐÁY NHANH TIẾN ĐỘ, NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH**

#### **1. Tập trung nâng cao chất lượng công tác quy hoạch đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới**

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nông thôn mới cho giai đoạn 2018 - 2020 phù hợp với quy hoạch sản xuất nông nghiệp, vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với tái cơ cấu nền nông nghiệp, quy hoạch kinh tế xã hội; bao đảm chất lượng, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và tập quán sinh hoạt từng vùng, miền; hài hòa với phát triển đô thị và quá trình đô thị hóa; chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn xã. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, chỉ đạo các địa phương ban hành quy chế quản lý quy hoạch; công bố công khai theo quy định.

#### **2. Nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành thực hiện Chương trình**

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn Ban chỉ đạo và bộ máy giúp việc Ban chỉ đạo các cấp. Nâng cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm của các thành viên Ban chỉ đạo các chương trình MTQG trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện các tiêu chí do ngành mình phụ trách và việc thực hiện Chương trình của các địa phương được phân công theo dõi, chỉ đạo;

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý và tổ chức thực hiện cho đội ngũ cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp, nhất là cấp cơ sở;

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát định kỳ và đột xuất việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đảm bảo hiệu quả, có chất lượng và tuân thủ đúng các quy định quản lý hiện hành. Kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những hoạt động không đúng hoặc tháo gờ những khó khăn cho các địa phương.

### **3. Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng, tạo phong trào xây dựng nông thôn mới mạnh mẽ, rộng khắp trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Phong trào Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới**

- Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền nhằm huy động sự vào cuộc mạnh mẽ hơn nữa của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội tham gia xây dựng nông thôn mới. Các cơ quan thông tin, truyền thông chủ động triển khai có hiệu quả công tác tuyên truyền các nội dung của Chương trình. Phát huy vai trò của Mặt trận và các tổ chức đoàn thể trong vận động hội viên và nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới;

- Đẩy mạnh thực hiện phong trào “Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới” đi vào chiều sâu và thực chất hơn. Kịp thời động viên, khen thưởng, tạo khí thế thi đua sôi nổi trên khắp các địa bàn dân cư.

### **4. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xây dựng nông thôn mới**

- Tập trung huy động mọi nguồn lực để thực hiện có hiệu quả Chương trình. Tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương, huy động tối đa nguồn lực của địa phương; đẩy mạnh huy động vốn đầu tư từ doanh nghiệp; phát huy vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng nhằm huy động có hiệu quả nguồn lực từ nhân dân; tăng cường thu hút nguồn đỡ đầu, tài trợ của các tổ chức, cá nhân để ưu tiên cho các xã đăng ký đạt chuẩn sớm và các xã khó khăn;

- Áp dụng có hiệu quả cơ chế đầu tư đặc thù trong xây dựng nông thôn mới theo Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2012 của Chính phủ nhằm tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả đầu tư. Rà soát, điều chỉnh các thiết kế mẫu, dự toán mẫu cho phù hợp với tình hình thực tế của các địa phương và đảm bảo phát huy hiệu quả công trình sau đầu tư.

### **5. Từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu nông thôn làm thay đổi cơ bản diện mạo nông thôn, tạo nên bước đột phá trong phát triển kinh tế xã hội nông thôn**

Tập trung huy động, lồng ghép các nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu nhằm từng bước hoàn thiện các tiêu chí giao thông, thủy lợi, điện, nước sạch, trường học các cấp, trạm y tế xã, nhà văn hóa và khu thể thao thôn nhằm tạo sự đột phá diện mạo nông thôn, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và tăng hưởng thụ trực tiếp cho cư dân nông thôn.

### **6. Thực hiện có hiệu quả tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn hợp lý, nâng cao thu nhập cho người dân**

- Thực hiện có hiệu quả tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; chuyển dần sản xuất nông nghiệp phát triển từ chiều rộng sang chiều sâu; đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao vào sản xuất; nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp. Tiếp tục thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa, cải tạo đồng ruộng, tích tụ ruộng đất, hình thành các vùng chuyên canh có quy mô tập trung theo thế mạnh từng vùng;

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay để phát triển sản xuất theo Quyết định số 21/2015/QĐ- UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh về ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2015- 2020;

- Đổi mới căn bản công tác đào tạo nghề, gắn với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, tạo nguồn nhân lực phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

## **7. Tiếp tục nâng cao chất lượng các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, môi trường**

- Giáo dục: Nâng cao chất lượng dạy và học, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập trung học cơ sở, phổ cập mầm non cho trẻ em 5 tuổi; tiếp tục thực hiện phổ cập giáo dục bậc trung học. Tăng cường cơ sở vật chất, kiên cố hóa trường, lớp học, đầu tư trang thiết bị; đẩy mạnh xây dựng trường chuẩn quốc gia;

- Văn hóa: Đẩy mạnh thực hiện phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới. Bảo vệ, khai thác và phát huy giá trị văn hoá truyền thống; hình thành và phát triển các giá trị văn hóa ứng xử trong cộng đồng nông thôn văn minh; nâng cao chất lượng gia đình, thôn, làng văn hóa...Tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao quần chúng;

- Y tế: Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe sinh sản, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, an toàn vệ sinh thực phẩm. Tăng nhanh tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân. Đầu tư trang thiết bị, xây dựng trạm y tế đạt chuẩn;

- Môi trường: Tập trung giải quyết vấn đề bức xúc về môi trường nông thôn do ảnh hưởng của quá trình phát triển sản xuất và công nghiệp hóa; xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp. Huy động mọi nguồn lực đẩy mạnh phát triển mạng lưới các công trình cấp nước tập trung theo quy hoạch. Tổ chức thực hiện quy hoạch nghĩa trang, các hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

## **8. Nâng cao chất lượng hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật**

Tạo sự chuyên môn toàn diện, sâu sắc về nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng ở nông thôn, bao đảm vai trò nền tảng, hạt nhân chính trị ở cơ sở, lãnh đạo toàn diện kinh tế - xã hội, chính trị, an ninh, quốc phòng. Xây dựng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị vững mạnh, hoạt động có hiệu lực và hiệu quả. Thực hiện tốt Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở.

## **9. Giữ vững quốc phòng và an ninh, trật tự xã hội nông thôn**

Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng hàng năm. Chủ động nắm bắt và dự báo tình hình an ninh trật tự, làm tốt công tác phòng ngừa tội phạm; giải quyết kịp thời, dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo, tranh chấp, mâu thuẫn nội bộ ngay tại cơ sở, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ, điểm nóng. Tăng cường chỉ đạo công tác đảm bảo an ninh nông thôn, đấu tranh phòng, chống tội phạm, quản lý hành chính về trật tự xã hội, an toàn giao thông, trật tự công cộng.

### **Phần thứ ba**

#### **ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

1. Quảng Trị là tỉnh còn gặp nhiều khó khăn do nguồn thu ngân sách hạn hẹp, nguồn vốn Trung ương hỗ trợ hàng năm cho tỉnh còn thấp. Đề nghị Trung ương tăng mức hỗ trợ vốn hàng năm để tỉnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra.

2. Đề nghị Trung ương quan tâm, ưu tiên bố trí vốn bổ sung trung hạn cho các địa phương còn khó khăn trong xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững như tỉnh Quảng Trị, trong đó có chính sách riêng về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững cho các thôn, bản thuộc các địa bàn biên giới, chương trình 30a.

3. Đối với nguồn vốn sự nghiệp, căn cứ văn bản số 10959/BNN-VPĐP, ngày 29/12/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2018, UBND tỉnh Quảng Trị đã phân bổ 2.000 triệu đồng để thực hiện các nhiệm vụ giám sát, kiểm đếm, nâng cao năng lực... của Chương trình "Hỗ trợ thực hiện hai chương trình mục tiêu quốc gia" do WB tài trợ. Tuy nhiên, đến nay tỉnh chưa triển khai thực hiện vì chưa có văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT, vì vậy kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT sớm có văn bản hướng dẫn để các địa phương thực hiện.

4. Đề nghị Trung ương xem xét, rà soát điều chỉnh một số văn bản cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, cụ thể:

- Thông tư số 43/2017/TT-BTC quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, sửa đổi các nội dung sau:

+ Bổ sung quy định về chi phí quản lý dự án đối với Hỗ trợ dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm;

+ Bổ sung quy định cụ thể hỗ trợ xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, hỗ trợ chương trình mỗi xã một sản phẩm, hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn;

+ Đối với nội dung thu gom, xử lý chất thải rắn; thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, phân tán; cải tạo cảnh quan môi trường xanh- sạch- đẹp đề nghị mở rộng đối tượng không chỉ hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách mà cần triển khai ở các hộ trên địa bàn xã đều được tham gia;

+ Hiện nay, nhu cầu nước sạch tại địa bàn nông thôn rất bức thiết, đặc biệt là các xã miền núi, trong khi Chương trình MTQG nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn kết thúc từ năm 2015 (theo kế hoạch thực hiện đến năm 2020) và trở thành một dự án thành phần của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, nhưng tại Mục 8 - Thông tư 43/2017/TT-BTC chưa quy định nội dung chi hỗ trợ nước hợp vệ sinh và nước sạch nên các địa phương gặp rất nhiều khó khăn trong việc thực hiện tiêu chí số 17.

- Đối với Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 đề nghị Trung ương giao UBND cấp tỉnh tự quy định về định mức hỗ trợ cho loại xã, định mức hỗ trợ cho huyện phấn đấu đạt chuẩn, phù hợp với tình hình thực tế và kế hoạch mục tiêu của tỉnh.

5. Đề nghị Trung ương có văn bản quy định về chính sách hỗ trợ cụ thể đối với Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020.

6. Tỉnh Quảng Trị đã tổ chức khảo sát địa điểm và chọn 3 điểm để đề xuất xây dựng Trung tâm dầu mồi nông sản sạch (theo yêu cầu của Văn phòng điều phối nông thôn mới Trung ương tại Văn bản số 498/VPDP-NV ngày 01/9/2016). Đề nghị Trung ương quan tâm lựa chọn ít nhất 1 điểm để xây dựng Trung tâm dầu mồi nông sản nhằm tiêu thụ nông sản ổn định cho người dân, đảm bảo chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm gắn với việc thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.



7. Đề nghị Trung ương tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện, tiếp tục hỗ trợ tinh kinh phí để thực hiện có hiệu quả đề án chuyển đổi sinh kế cho người dân vùng biển bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển gây ra, ổn định đời sống vùng biển.

8. Hiện nay huyện Đakrông (huyện thuộc Chương trình 30a) chưa có xã đạt chuẩn, việc xây dựng nông thôn mới rất khó khăn, xã đạt tiêu chí cao nhất mới 10/19 tiêu chí, trong khi nguồn lực của tỉnh còn khó khăn nên việc đầu tư cho các địa phương này còn hạn chế, vì vậy kính đề nghị Trung ương xem xét, bảo trợ hoặc huy động các doanh nghiệp, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ hỗ trợ huyện Đakrông phấn đấu đến năm 2020 có ít nhất 01 xã đạt chuẩn. Đồng thời xem xét xây dựng chính sách riêng cho các xã khó khăn nhất trong xây dựng nông thôn mới gắn với giảm nghèo bền vững.

9. Kính Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương tăng cường công tác đào tạo, tập huấn về các cơ chế chính sách và hướng dẫn triển khai thực hiện cho đội ngũ cán bộ chuyên trách nông thôn mới các tỉnh.

Trên đây là báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; UBND tỉnh kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT tổng hợp báo cáo Chính phủ theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- VP Tỉnh ủy, VP HĐND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT;
- VPDP nông thôn mới tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH *TL***



**Hà Sỹ Đồng**

Phụ biểu số 01



**CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BAN HÀNH  
ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020**

TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu
1	Chỉ thị	số 12-CT/TU ngày 01/3/2017 của Tỉnh ủy	Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"
2	Chỉ thị	số 03/CT-UBND ngày 05/3/2017 của UBND tỉnh	Đẩy mạnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020
3	Nghị quyết	số 04/NQ-TU ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy	Về đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020
4	Nghị quyết	số 30/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh	Xây dựng nông thôn mới đến năm 2020
5	Nghị quyết	số 03/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh	Về hỗ trợ một số cây trồng con nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025
6	Nghị quyết	số 05/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh	Về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2017-2020.
7	Nghị quyết	số 06/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh	Về quy hoạch phát triển bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030
8	Nghị quyết	số 201/NQ-HĐND ngày 16/7/2018 của HĐND tỉnh	Về đầu tư, nâng cấp Đài truyền thanh cơ sở tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2025
9	Quyết định	số 3110/QĐ-UBND ngày 07/12/2016 của UBND tỉnh	Thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2016-2020
10	Quyết định	số 979/QĐ-BCĐ ngày 14/5/2017 của BCĐ các chương trình MTQG tỉnh Quảng Trị	Ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020
11	Quyết định	số 325/QĐ-UBND ngày 22/2/2017 của UBND tỉnh	Ban hành bộ tiêu chí về xã nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020
12	Quyết định	số 507/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh	Ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2020
13	Quyết định	số 854/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 của UBND tỉnh	Phê duyệt danh sách các địa phương chỉ đạo diêm xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020

TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu
14	Quyết định	số 231/QĐ-UBND ngày 10/2/2017 của UBND tỉnh	Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020
15	Quyết định	số 1763/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của UBND tỉnh	Phân công nhiệm vụ phụ trách thực hiện tiêu chí huyện, xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020
16	Quyết định	số 1862/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 của UBND tỉnh	Danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
17	Quyết định	số 32/2016/QĐ-UBND ngày 15/8/2016	Ban hành Quy định danh mục, định mức hỗ trợ phát triển sản xuất và ngành nghề, dịch vụ nông thôn thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
18	Quyết định	số 2130/QĐ-UBND ngày 4/8/2017 của UBND tỉnh	Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới; Thẩm tra huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020
19	Quyết định	số 2521/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh	V/v kiện toàn bộ máy giúp việc Ban chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
20	Quyết định	số 21/2015/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh	Ban hành Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất, vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
21	Quyết định	số 55/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND, ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất, vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
22	Quyết định	số 3227/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của UBND tỉnh	Ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua "Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2016-2020
23	Quyết định	số 2543/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh	V/v Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và Đoàn thẩm định xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
24	Quyết định	số 2817/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của UBND tỉnh	V/v Thành lập Đoàn thẩm định xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu
25	Quyết định	số 946/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của UBND tỉnh	Quy định chế độ phụ cấp của thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG và Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh Quảng Trị
26	Kế hoạch	số 1589/KH-BCĐNTM ngày 23/4 của BCD tỉnh	Kiểm tra, giám sát Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2018
27	Quyết định	số 914/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 của UBND tỉnh	Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020
28	Kế hoạch	số 1588/KH-UBND ngày 23/4/2018 của UBND tỉnh	Sơ kết phong trào thi đua "Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2016-2020
29	Quyết định	số 47/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh	Quy chế công tác thi đua, khen thưởng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2016-2020
30	Hướng dẫn	số 2790/HĐ-UBND ngày 28/6/2017 của UBND tỉnh	Hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020
31	Công văn	số 2943/UBND-NN ngày 5/7/2017 của UBND tỉnh	Điều chỉnh mục tiêu thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020
32	Hướng dẫn	số 46/HĐ-VPPP ngày 19/4/2016 của VPĐP NTM tỉnh	Hướng dẫn tổ chức lễ đón nhận "Bằng công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới"
33	Công văn	số 462/UBND-NN ngày 1/23/2017 của UBND tỉnh	Về việc triển khai thực hiện Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020
34	Công văn	số 2489/UBND-NN ngày 1/23/2017 của UBND tỉnh	Về việc triển khai thực hiện Đề án nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2016-2020
35	Công văn	số 2853/UBND-TM ngày 6/30/2017 của UBND tỉnh	Về việc đẩy mạnh thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới
36	Công văn	số 2724/UBND-NN ngày 23/6/2017 của UBND tỉnh	Về việc triển khai chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm
37	Công văn	số 3431/UBND-NN ngày 14/07/2017 của UBND tỉnh	Triển khai thực hiện nội dung cải thiện điều kiện vệ sinh thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020
38	Công văn	số 5058/UBND-NN ngày 11/10/2017 của UBND tỉnh	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay thuộc chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2017
39	Công văn	số 509/UBND-NN ngày 07/2/2018 của UBND tỉnh	Duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới đối với các xã đã đạt chuẩn



## KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2018

TT	MỤC TIÊU	ĐVT	Kết quả đến 31/12/2016	Kết quả đến 31/12/2017	Kết quả đến 30/6/2018	Ước thực hiện đến 31/12/2018
1	Mức đạt tiêu chí bình quân/xã		13,35	14,15	14,25	15
2	Mức đạt tiêu chí bình quân/xã nghèo, đặc biệt khó khăn		9,31	9,68	9,75	9,82
3	Kết quả đạt chuẩn tiêu chí theo xã					
	Số xã đạt 19 tiêu chí đã có QĐ công nhận		31	42	42	48
	Số xã đạt 18 tiêu chí		1	1	2	1
	Số xã đạt 17 tiêu chí		1	4	4	5
	Số xã đạt 16 tiêu chí		4	3	3	6
	Số xã đạt 15 tiêu chí		7	9	10	10
	Số xã đạt 14 tiêu chí		10	9	8	9
	Số xã đạt 13 tiêu chí		14	9	10	8
	Số xã đạt 12 tiêu chí		5	3	3	7
	Số xã đạt 11 tiêu chí		7	7	5	7
	Số xã đạt 10 tiêu chí		14	4	3	7
	Số xã đạt 9 tiêu chí		10	8	9	2
	Số xã đạt 8 tiêu chí		4	5	7	5
	Số xã đạt 7 tiêu chí		7	4	4	2
	Số xã đạt 6 tiêu chí		2	8	4	0
	Số xã đạt 5 tiêu chí		0	1	3	0

TT	MỤC TIÊU	DVT	Kết quả đến 31/12/2016	Kết quả đến 31/12/2017	Kết quả đến 30/6/2018	Ước thực hiện đến 31/12/2018
4	<b>Kết quả đạt chuẩn theo từng tiêu chí</b>					
	Số xã đạt tiêu chí quy hoạch		117	117	117	117
	Số xã đạt tiêu chí giao thông		43	56	57	60
	Số xã đạt tiêu chí thủy lợi		74	98	101	103
	Số xã đạt tiêu chí điện		114	116	116	117
	Số xã đạt tiêu chí trường học		53	57	60	65
	Số xã đạt tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa		51	61	64	65
	Số xã đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại		90	95	88	98
	Số xã đạt tiêu chí thông tin truyền thông		110	91	90	103
	Số xã đạt tiêu chí nhà ở		70	78	78	85
	Số xã đạt tiêu chí thu nhập		82	83	83	85
	Số xã đạt tiêu chí hộ nghèo		42	63	66	67
	Số xã đạt tiêu chí lao động - việc làm		104	110	110	115
	Số xã đạt tiêu chí tổ chức sản xuất		85	68	72	72
	Số xã đạt tiêu chí giáo dục - đào tạo		74	88	90	93
	Số xã đạt tiêu chí y tế		106	107	107	112
	Số xã đạt tiêu chí văn hóa		111	113	113	116
	Số xã đạt tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm		54	59	60	65
	Số xã đạt tiêu chí hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật		89	90	89	95
	Số xã đạt tiêu chí Quốc phòng và An ninh		92	106	106	115

TT	MỤC TIÊU	ĐVT	Kết quả đến 31/12/2016	Kết quả đến 31/12/2017	Kết quả đến 30/6/2018	Ước thực hiện đến 31/12/2018
<b>5</b>	<b>Một số chỉ tiêu cơ bản</b>					
	Thu nhập bình quân khu vực nông thôn/người/năm	ngàn đồng	19.882			
	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)		16,54	14,25		
	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT					
	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia			43,32		

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH NTM GIAI ĐOẠN 2016-2018 VÀ DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2019-2020**

*DVT: Triệu đồng*

STT	Nội dung chi tiêu	Giai đoạn 2016-2018	Năm 2016	Năm 2017	Ước thực hiện năm 2018	Dự kiến giai đoạn 2019-2020
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>20.905.110</b>	<b>8.707.053</b>	<b>6.665.757</b>	<b>5.532.300</b>	<b>12.523.285</b>
<b>I</b>	<b>NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	362.380	99.200	123.880	139.300	572.820
1	Trái phiếu Chính phủ	59.000	59.000			11.000
2	Dầu tư phát triển	217.580	20.300	95.980	101.300	434.820
3	Sự nghiệp	85.800	19.900	27.900	38.000	127.000
<b>II</b>	<b>NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	357.570	87.854	174.716	95.000	265.375
1	Tỉnh	60.000	20.000	20.000	20.000	100.000
2	Huyện	222.039	43.130	131.105	47.804	105.408
3	Xã	75.531	24.724	23.611	27.196	59.967
<b>III</b>	<b>VỐN LÔNG GHÉP</b>	1.213.492	464.083	449.409	300.000	664.500
<b>IV</b>	<b>VỐN TÍN DỤNG</b>	17.959.465	7.800.000	5.681.465	4.478.000	9.873.990
<b>V</b>	<b>VỐN DOANH NGHIỆP</b>	317.915	41.603	96.312	180.000	396.900
<b>VI</b>	<b>CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ</b>	516.779	139.654	137.125	240.000	529.200
<b>VII</b>	<b>VỐN KHÁC</b>	177.509	74.659	2.850	100.000	220.500



## KẾT QUẢ HUY ĐỘNG VÀ THỰC HIỆN NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NTM GIAI ĐOẠN 2016-2018

131 triệu đồng

TT	Nội dung đầu tư	Nguồn vốn thực hiện giai đoạn 2016-2018									
		Tổng số	Vốn hỗ trợ đầu tư trực tiếp					Lồng ghép	Tín dụng	Hoạt động nghiệp	Đảm góp
			Tổng số	Ngân sách Trung ương			NSLĐ				
				TPCP	FPT	SN					
1	Nâng cao năng lực xây dựng NFM	1.997	1.997			1.997					
2	Truyền thông về xây dựng NFM	1.810	1.810			1.810					
3	Chăm sóc, đánh giá	7.902	7.902			7.902					
4	Quy hoạch xây dựng NFM	-	-								
5	Phát triển hạ tầng - kinh tế xã hội	1.150.929	276.580	59.000	217.580		357.570			516.779	
6	Thông tin và truyền thông cơ sở	2.300	2.300			2.300					
7	Phát triển SX theo chuỗi liên kết	20.510	18.250			18.250	2.260				
8	Đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp	-	-								
9	Hỗ trợ phát triển HTX	1.250	1.250			1.250					
10	Phát triển ngành nghề nông thôn	1.100	1.100			1.100					
11	Đào tạo nghề nông thôn	16.000	16.000			16.000					
12	Phát triển giáo dục ở nông thôn	6.500	6.500			6.500					
13	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn	2.600	2.600			2.600					
14	Vệ sinh môi trường nông thôn	8.556	8.556			8.556					
15	Khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề	4.740	4.740			4.740					
16	Đào tạo cho công chức xã	-	-								
17	Chú ý vùng quốc phòng, an ninh và hải đảo xã hội nông thôn	-	-								
18	Đầu tư, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã	9.405	9.405			9.405					
19	Nội dung khác	8.630	3.490			3.490	5.140				

**RÁ SOÁT MỤC TIÊU PHÂN ĐẦU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NTM GIAI ĐOẠN 2016-2020**

*(theo Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mục tiêu phân đầu đến 2020 (theo QĐ số 1865)	Kết quả đạt được đến 30/6/2018	Đề xuất điều chỉnh mục tiêu phân đầu đến 2020 (Nếu có)	Lý do, căn cứ đề xuất
1	Huyện đạt chuẩn nông thôn mới	số huyện	1	0	1	
2	Xã đạt chuẩn nông thôn mới					
2.1	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	số xã	52	42	59	Theo Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh Quảng Trị về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020
2.2	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	44,4	35,8	50	
3	Bình quân tiêu chí/xã	tiêu chí/xã	15	14,25	16,3	